

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính chuẩn hóa và thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1404/QĐ-BTC ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư; đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 88/TTr-STC ngày 30 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài chính (có phụ lục gửi kèm).

Điều 2. Sở Tài chính có trách nhiệm:

- Cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định (*chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành*); niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và trên Trang thông tin điện tử của Sở; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, cập nhật, thiết lập quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (*địa chỉ: dichvucong.phuyen.gov.vn*) theo Danh mục thủ tục hành chính tại Điều 1 (*chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành*).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Thị Nguyên Thảo

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÀI BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 934/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (2 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	Lĩnh vực quản lý công sản					
1	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi. (Mã TTHC: 3.000325)	60 ngày , kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.	Những nội dung còn lại áp dụng theo Quyết định số 143/QĐ-BTC ngày 24/01/2025 của Bộ Tài chính
2	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là di sản không có người thừa kế. (Mã TTHC: 3.000410)	- Đối với tài sản thuộc thẩm quyền xác lập của Ủy ban nhân dân cấp huyện: 29 ngày. - Đối với tài sản thuộc thẩm quyền xác lập của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 36 ngày.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.	Những nội dung còn lại áp dụng theo Quyết định số 1327/QĐ-BTC ngày 11/4/2025 của Bộ Tài chính

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (5 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	Lĩnh vực quản lý đấu thầu					
1	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất (Mã TTHC: 1.009491.000.00.0)	- Thời hạn thẩm định: Không quá 14 ngày. - Thời hạn phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư: Không quá 15 ngày.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên.	Không	- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020; - Luật số 03/2022/QH1	Những nội dung còn lại áp dụng theo Quyết định số 1404/QĐ-BTC ngày 18/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

	0.H45)		- Qua dịch vụ bưu chính công ích.		5 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự; - Luật số 57/2024/QH1 5 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021; - Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Nghị định số 71/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ.	
2	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất (Mã TTHC: 1.009492.000.00.0 0.H45)	- Thời hạn thẩm định: Không quá 14 ngày. - Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng O&M, BT không yêu cầu thanh toán và dự án có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm B, nhóm C theo quy định của pháp luật đầu tư công không sử dụng vốn nhà nước: Không quá 10 ngày. - Thời hạn phê duyệt dự án PPP: Không quá 15 ngày.				
3	Thẩm định nội dung điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề	- Thời hạn thẩm định: Không quá 14 ngày. - Thời hạn phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư: Không quá 15 ngày.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hoà,	Không	- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH1 4 ngày 18/6/2020; - Luật số	<i>Những nội dung còn lại áp dụng theo Quyết định số 1404/QĐ-BTC ngày 18/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</i>

	xuất (Mã TTHC: 1.009493.000.00.0 0.H45)		tỉnh Phú Yên. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.		03/2022/QH1 5 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự; - Luật số 57/2024/QH1 5 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; - Nghị định số 35/2021/NĐ- CP ngày 29/3/2021; - Nghị định số 29/2021/NĐ- CP ngày 26/3/2021; - Nghị định số 71/2025/NĐ- CP ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ.	
4	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyet điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất (Mã TTHC: 1.009494.000.00.0 0.H45)	- Thời hạn thẩm định: Không quá 14 ngày. - Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng O&M, BT không yêu cầu thanh toán và dự án có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm B, nhóm C theo quy định của pháp luật đầu tư công không sử dụng vốn nhà nước: Không quá 10 ngày. - Thời hạn phê duyet dự án PPP: Không quá 15 ngày.				
5	Công bố dự án đầu tư kinh doanh (gồm dự án đầu tư có sử dụng đất) đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề xuất dự án, Sở Tài chính báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh giao một cơ quan	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hoà,	Không	- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH1 5 ngày 23 tháng 6 năm 2023; - Luật số 57/2024/QH1	Những nội dung còn lại áp dụng theo Quyết định số 1404/QĐ-BTC ngày 18/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

	đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (Mã TTHC: 2.002603.000.00.0 0.H45)	chuyên môn tổng hợp, xem xét hồ sơ đề xuất dự án của nhà đầu tư. - Trong thời hạn 25 ngày, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan có liên quan xem xét sự phù hợp của hồ sơ đề xuất dự án, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt thông tin dự án, Văn phòng UBND tỉnh đăng tải thông tin dự án đã được phê duyệt trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.	tỉnh Phú Yên. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.		5 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; - Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025.	
--	--	--	--	--	---	--

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	Lĩnh vực phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể		
1.	2.001610.000.00.00.H45	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	Sửa đổi cơ quan tiếp nhận và giải quyết từ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành Sở Tài chính. Các nội dung khác của thủ tục thực hiện theo thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 08/9/2022.
2.	2.001583.000.00.00.H45	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	
3.	2.001199.000.00.00.H45	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	
4.	2.002043.000.00.00.H45	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	
5.	2.002042.000.00.00.H45	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	
6.	2.002041.000.00.00.H45	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
7.	1.005169.000.00.00.H45	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
8.	2.002011.000.00.00.H45	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	
9.	2.002010.000.00.00.H45	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	
10.	2.002009.000.00.00.H45	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty	

		TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
11.	2.002008.000.00.00.H45	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	
12.	1.005114.000.00.00.H45	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	
13.	2.002000.000.00.00.H45	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	
14.	2.001996.000.00.00.H45	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
15.	2.001954.000.00.00.H45	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	
16.	2.002044.000.00.00.H45	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết	
17.	2.001992.000.00.00.H45	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	
18.	2.001993.000.00.00.H45	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	
19.	2.002069.000.00.00.H45	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sửa đổi cơ quan tiếp nhận và giải quyết từ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành Sở Tài chính. Các nội dung khác của thủ tục thực hiện theo thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 08/9/2022.
20.	2.002070.000.00.00.H45	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
21.	2.002031.000.00.00.H45	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương	
22.	2.002075.000.00.00.H45	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh	Sửa đổi cơ quan tiếp nhận và giải quyết từ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành Sở Tài chính. Các nội dung khác của thủ tục thực hiện theo thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 08/9/2022.

		ngành đặt trụ sở chính	
23.	2.002072.000.00.00.H45	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	
24.	2.002045.000.00.00.H45	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	
25.	1.005176.000.00.00.H45	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	
26.	1.010026.000.00.00.H45	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền	
27.	2.002085.000.00.00.H45	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	
28.	2.002083.000.00.00.H45	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	
29.	2.002059.000.00.00.H45	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Sửa đổi cơ quan tiếp nhận và giải quyết từ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành Sở Tài chính. Các nội dung khác của thủ tục thực hiện theo thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 08/9/2022.
30.	2.002060.000.00.00.H45	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	
31.	2.002057.000.00.00.H45	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	
32.	2.002034.000.00.00.H45	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	
33.	2.002032.000.00.00.H45	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	
34.	2.002033.000.00.00.H45	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	
35.	1.010027.000.00.00.H45	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	
36.	2.002018.000.00.00.H45	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất,	

		cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	
37.	2.002017.000.00.00.H45	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuê sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	
38.	2.002015.000.00.00.H45	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	
39.	2.002029.000.00.00.H45	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	
40.	2.002023.000.00.00.H45	Giải thể doanh nghiệp	
41.	2.002022.000.00.00.H45	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	
42.	2.002020.000.00.00.H45	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	
43.	2.002016.000.00.00.H45	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	
44.	2.000368.000.00.00.H45	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	
45.	2.000416.000.00.00.H45	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	
46.	2.000375.000.00.00.H45	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	
47.	1.010029.000.00.00.H45	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	
48.	1.010030.000.00.00.H45	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	Sửa đổi cơ quan tiếp nhận và giải quyết từ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành Sở Tài chính. Các nội dung khác của thủ tục thực hiện theo thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 08/9/2022.
49.	1.010031.000.00.00.H45	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	
50.	1.010010.000.00.00.H45	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	
51.	1.010023.000.00.00.H45	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	
52.	2.000024.000.00.00.H45	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	
53.	1.000016.000.00.00.H45	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	
54.	2.000005.000.00.00.H45	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	

55.	2.002005.000.00.00.H45	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	
56.	2.002004.000.00.00.H45	Thông báo chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư	
57.	2.002418.000.00.00.H45	Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	Sửa đổi cơ quan tiếp nhận và giải quyết từ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành Sở Tài chính. Các nội dung khác của thủ tục thực hiện theo thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 08/9/2022.
58.	2.001999.000.00.00.H45	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp	
II	Lĩnh vực quản lý đấu thầu (sửa đổi, bổ sung từ lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư và lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trước đây)		
59.	1.009491.000.00.00.H45	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	Sửa đổi cơ quan tiếp nhận và giải quyết từ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành Sở Tài chính. Chi tiết theo Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung tại mục II Phụ lục này, nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 1404/QĐ-BTC ngày 18/4/2025 của Bộ Tài chính.
60.	1.009492.000.00.00.H45	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	
61.	1.009493.000.00.00.H45	Thẩm định nội dung điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	
62.	1.009494.000.00.00.H45	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	
63.	2.002603.000.00.00.H45	Công bố dự án đầu tư kinh doanh (gồm dự án đầu tư có sử dụng đất) đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất	
III	Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam		
64.	1.009642.000.00.00.H45	Chấp thuận nhà đầu tư của UBND tỉnh	Sửa đổi cơ quan tiếp nhận và giải quyết từ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành Sở Tài chính. Các nội dung khác của thủ tục thực hiện theo thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 08/9/2022.
65.	1.009644.000.00.00.H45	Điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND tỉnh	
66.	1.009645.000.00.00.H45	Chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh	Sửa đổi cơ quan tiếp nhận và giải quyết từ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành Sở Tài chính. Các nội dung khác của thủ tục thực hiện theo thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 04/11/2024.
67.	1.009646.000.00.00.H45	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh	
68.	1.009649.000.00.00.H45	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh	Sửa đổi cơ quan tiếp nhận và giải quyết từ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành Sở Tài chính. Các nội dung khác của thủ tục thực hiện theo thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh công bố tại Quyết

			định số 1051/QĐ-UBND ngày 08/9/2022.
69.	1.009647.000.00.00.H45	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND tỉnh	Sửa đổi cơ quan tiếp nhận và giải quyết từ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành Sở Tài chính. Các nội dung khác của thủ tục thực hiện theo thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 04/11/2024.
70.	1.009650.000.00.00.H45	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh	Sửa đổi cơ quan tiếp nhận và giải quyết từ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành Sở Tài chính. Các nội dung khác của thủ tục thực hiện theo thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 08/9/2022.
71.	1.009652.000.00.00.H45	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh	
72.	1.009653.000.00.00.H45	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh	Sửa đổi cơ quan tiếp nhận và giải quyết từ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành Sở Tài chính. Các nội dung khác của thủ tục thực hiện theo thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 04/11/2024.
73.	1.009654.000.00.00.H45	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh	Sửa đổi cơ quan tiếp nhận và giải quyết từ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành Sở Tài chính. Các nội dung khác của thủ tục thực hiện theo thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 08/9/2022.
74.	1.009655.000.00.00.H45	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh	
75.	1.009656.000.00.00.H45	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	Sửa đổi cơ quan tiếp nhận và giải quyết từ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành Sở Tài chính. Các nội dung khác của thủ tục thực hiện theo thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 04/11/2024.
76.	1.009657.000.00.00.H45	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	
77.	1.009659.000.00.00.H45	Gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh	Sửa đổi cơ quan tiếp nhận và giải quyết từ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành Sở Tài chính. Các nội dung

			khác của thủ tục thực hiện theo thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 08/9/2022.
78.	1.009661.000.00.00.H45	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Sửa đổi cơ quan tiếp nhận và giải quyết từ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành Sở Tài chính. Các nội dung khác của thủ tục thực hiện theo thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 04/11/2024.
79.	1.009662.000.00.00.H45	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Sửa đổi cơ quan tiếp nhận và giải quyết từ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành Sở Tài chính. Các nội dung khác của thủ tục thực hiện theo thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 04/11/2024.
80.	1.009664.000.00.00.H45	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	Sửa đổi cơ quan tiếp nhận và giải quyết từ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành Sở Tài chính. Các nội dung khác của thủ tục thực hiện theo thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 08/9/2022.
81.	1.009665.000.00.00.H45	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Sửa đổi cơ quan tiếp nhận và giải quyết từ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành Sở Tài chính. Các nội dung khác của thủ tục thực hiện theo thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 04/11/2024.
82.	1.009671.000.00.00.H45	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Sửa đổi cơ quan tiếp nhận và giải quyết từ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành Sở Tài chính. Các nội dung khác của thủ tục thực hiện theo thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 08/9/2022.
83.	1.009729.000.00.00.H45	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	Sửa đổi cơ quan tiếp nhận và giải quyết từ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành Sở Tài chính. Các nội dung khác của thủ tục thực hiện theo thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 04/11/2024.
84.	1.009731.000.00.00.H45	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Sửa đổi cơ quan tiếp nhận và giải quyết từ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành Sở Tài chính. Các nội dung khác của thủ tục thực hiện theo thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 08/9/2022.
85.	1.009736.000.00.00.H45	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	
IV	Lĩnh vực công sản		
86.	1.005436.000.00.00.H45	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản	Nội dung cụ thể của thủ tục thực hiện theo thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 05/11/2019.
87.	1.005437.000.00.00.H45	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của tổ chức, cá nhân tham gia mua, thuê tài sản, nhận chuyển nhượng, thuê quyền khai thác tài	Nội dung cụ thể của thủ tục thực hiện theo thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 05/11/2019.

		sản công	
88.	3.000256.000.00.00.H45	Chuyển giao công trình điện là hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong các dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác do chủ đầu tư phải bàn giao lại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật	Nội dung cụ thể của thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND tỉnh.
89.	3.000257.000.00.00.H45	Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước	
V	Lĩnh vực quản lý giá		
90.	1.012735.000.00.00.H45	Hiệp thương giá	Nội dung cụ thể của thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 1564/QĐ-UBND ngày 15/11/2024 của UBND tỉnh.
91.	1.012744.000.00.00.H45	Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	
VI	Lĩnh vực công nghệ thông tin		
92.	2.002206.000.00.00.H45	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	Nội dung cụ thể của thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 của UBND tỉnh.

IV. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định bãi bỏ, TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết TTHC
1	Công bố thông tin dự án đầu tư có sử dụng đất đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (Mã TTHC: 2.002664.000.00.00.H45)	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023; - Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu; - Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ. - Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025.	Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Sở Tài chính